

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phận

Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Trần Văn Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **L**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: tổ 12, ấp P, xã T, huyện B, tỉnh A

Tạm trú: ấp Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh S

2. *Bị đơn:* Ông **H**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 12, ấp P, xã T, huyện B, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 22/3/2022 nguyên đơn L trình bày:

Vào năm 1991, bà và ông H qua quen biết về sống chung như vợ chồng mà không có tổ chức lễ hỏi, cưới. Vào năm 2002 bà và ông H có đến Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Tân đăng ký kết hôn.

Bà và ông H sống với nhau được 13 năm, nhưng ông H không lo làm ăn, mà thường xuyên nhậu, sau đó thì chửi bới, đánh đập, hành hung bà nên bà và các con về sống tại ấp Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh S từ tháng 4 năm 2017 đến nay.

Nay vì tình cảm vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên cự cãi, chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông H

Về con chung gồm: R (sinh ngày 25/9/1992), F (sinh ngày 19/8/1994) và E (sinh ngày 21/12/2004). Đối với cháu R và cháu F đã trưởng thành, còn cháu E thì đang sống với mẹ và có ý kiến được theo mẹ. Nay bà L yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi cháu E (sinh ngày 21/12/2004), bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022 ông H trình bày:

Ông và bà L qua quen biết tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long. Ông thừa nhận là ông thường nhậu nhưng không có chửi mắng hay đánh đập, hành hung bà L, mà trong thời gian chung sống với ông bà L không chăm lo cho gia đình, làm có tiền thì để xài riêng, vào năm 2017 không biết nguyên nhân gì bà L bỏ nhà đi cho đến nay không quay về.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà L có 03 con chung là R sinh năm 1992, F (ông không nhớ F sinh năm nào nhưng đã trưởng thành, đã có gia đình đang sống ở C) và E sinh ngày 21/12/2004, hiện E đang sống với bà L.

Về tài sản: Trong thời gian chung sống ông và bà L không tạo được tài sản gì có giá trị, nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do ông bận đi làm không đến tòa để giải quyết vụ án ly hôn với bà L được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được vắng mặt đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2022; ông H vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2022, 13/5/2022.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông H. Về con chung: Giao cháu E sinh ngày 21/12/2004 cho bà L nuôi

dưỡng, ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà L nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, ông H có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh A là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn L và bị đơn H tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét bà L và ông H chung sống và có kết hôn theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà L đã bỏ đi và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của bà L (*tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 22/3/2022*) (BL 01 - 02) thì trong cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H thường xuyên cự cãi, sống không có hạnh phúc do ông H không lo làm ăn, mà nhậu rồi chửi bới, hành hung bà thường xuyên nên vào tháng 4/2017 bà và các con bỏ về sống tại ấp Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh S. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/7/2022 (BL 42) ông H thừa nhận ông có hay nhậu là đúng nhưng ông không có chửi mắng hay đánh đập, hành hung bà L như bà L đã trình bày mà trong thời gian chung sống với ông bà L không chăm lo làm ăn, làm có tiền thì để xài riêng chứ không lo cho gia đình, ông H còn xác nhận bà L bỏ đi từ năm 2017 nhưng không biết vì nguyên nhân gì. Với những lời khai nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L ly hôn với ông H.

[3.2] *Về con chung*: Bà L và ông H có 03 con chung gồm: R (sinh ngày 25/9/1992), F (sinh ngày 19/8/1994) và E (sinh ngày 21/12/2004), nhưng cháu R và cháu F đã trưởng thành, đối với cháu E chưa tròn 18 tuổi, hiện cháu đang sống với bà L và bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi, cháu E thì có ý kiến muốn theo mẹ, ý kiến của cháu E được ông H thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu E cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu E nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà L ly hôn với ông H

1.2. Về con chung: Giao cháu E (sinh ngày 21/12/2004) cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu E đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, ông H còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. *Về quan hệ tài sản:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013523 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Thành Lợi, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Ngọc Sương